



Đăng Cấp Châu Âu

SCI-BNo

QUẠT LY TÂM CÁNҺ BẮN, TRUYỀN ĐỘNG GIÁN TIẾP QUA DÂY ĐAI

QUẠT LY TÂM
www.systemfan.vn

25



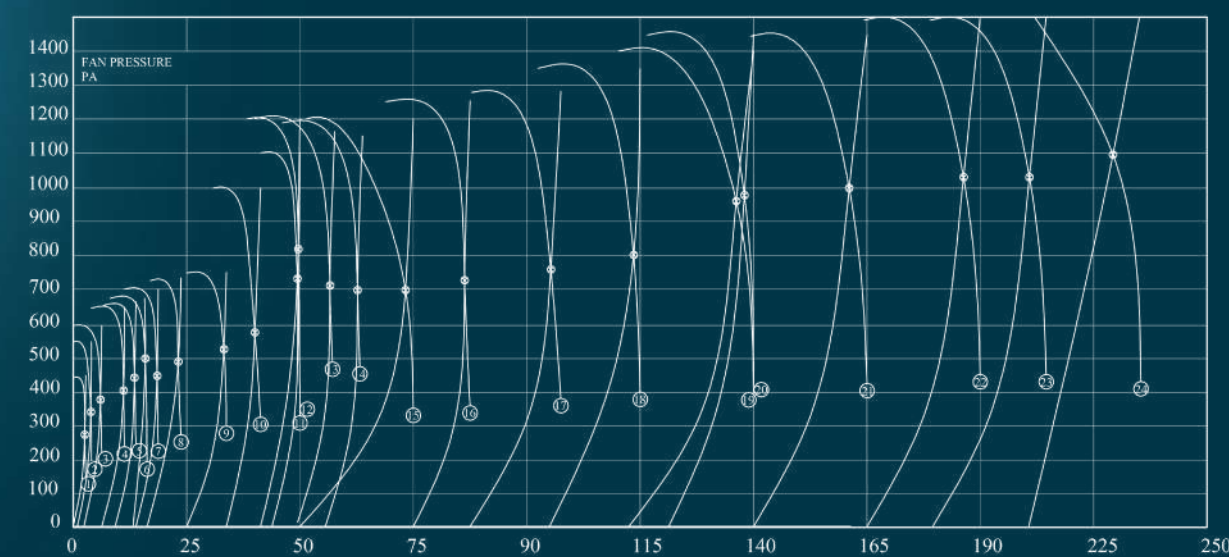
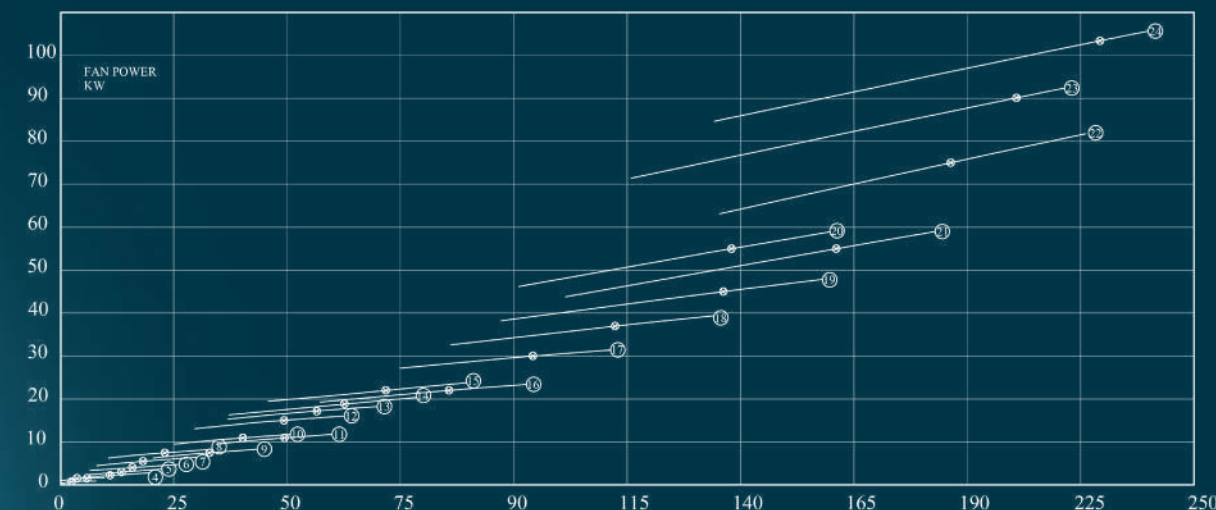
TIẾT KIỂM
NĂNG LƯỢNG
ENERGY SAVING



ĐỘ ỒN THẤP
LOW NOISE



ĐỘ BỀN CAO
HIGH DURABILITY



SYSTEM FAN Prog V390

Volume Flow M3/h x 1000

* Liên hệ tới System Fan để nhận đường đặc tính cụ thể cho từng mã quạt System Fan.

BẢNG ĐỘ ỒN

MODEL SCI-BNo	3,2		3,8	4	5		6,3		7	8	10		11	12		14	16		18		20	
	0,75	1,5	1,5	2,2	3	5,5	7,5	7,5	11	11	15	22	22	30	37	45	55	55	75	90	110	
Inlet SPL dBA (Near Field)	74	75	77	83	77	84	88	87	88	88	89	89	89	90	90	92	92	92	92	93	93	
Outlet SPL dBA (Near Field)	75	76	78	84	86	85	89	88	89	89	90	90	90	91	91	93	93	93	93	94	95	
Cassing SPL dBA (3m)	63	66	68	74	76	75	79	78	79	80	81	82	82	83	85	86	87	86	88	90	90	

SỬ DỤNG

Thông gió, cấp khí tươi, hút khí thải, tăng áp, hút khói PCCC, hút khói lò gạch, thông gió nhà xưởng...

ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ CánҺ quạt được truyền động gián tiếp thông qua gối đỡ và dây curoa hoặc khớp nối cứng nhằm tách động cơ ra xa vị trí làm việc của quạt.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc động cơ chống cháy, chịu nhiệt từ 200°C đến 400°C trong 2h của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIMENS,...
- ✦ Vật liệu chế tạo: thép, Inox.

ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

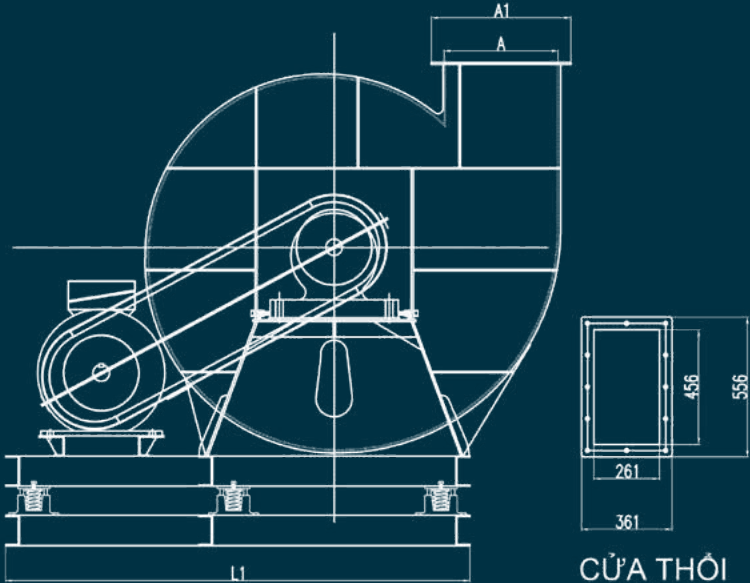
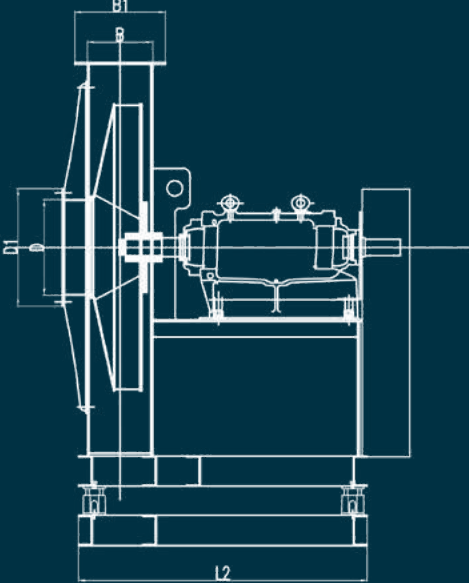
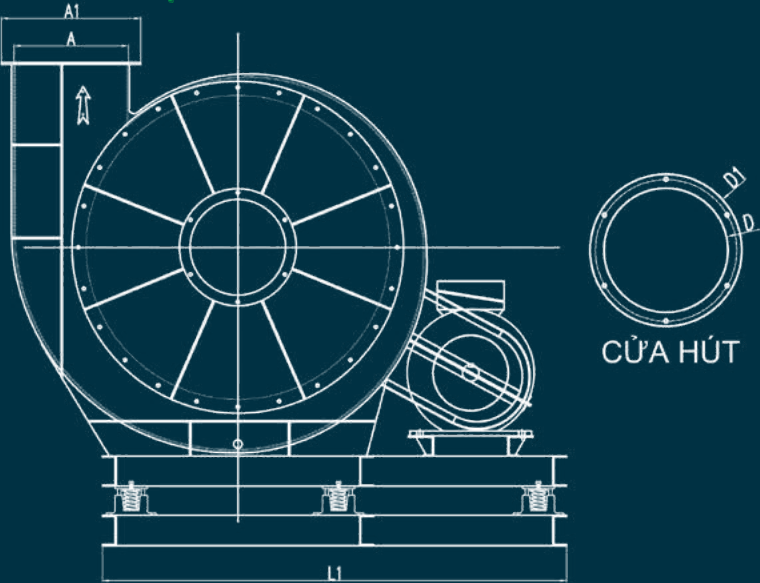
STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất	Trọng lượng
		(kW)	(Pole)	(V)	(m³/h)	(Pa)	(Kg)
1	SCI-B3,2	0,75	4P	380	1500-2200	150-450	98
2	SCI-B3,8	1,5	4P	380	2200-3200	200-550	142
3	SCI-B4	1,5	4P	380	3300-5000	220-600	154
4	SCI-B5	2,2	4P	380	5000-9000	230-650	205
		3	4P	380	9000-11000	250-660	210
5	SCI-B6,3	5,5	4P	380	11000-15000	250-700	378
		7,5	4P	380	13000-19000	280-720	403
6	SCI-B7	7,5	4P	380	20000-27000	300-750	435
7	SCI-B8	11	4P	380	27000-36000	320-1000	542
8	SCI-B10	11	4P	380	33000-40000	330-1100	645
		15	4P	380	35000-40000	350-900	686
9	SCI-B11	22	4P	380	40000-60000	350-1200	826
10	SCI-B12	22	4P	380	60000-70000	360-1250	1305
		30	4P	380	70000-86000	380-1280	1375
11	SCI-B14	37	4P	380	85000-110000	400-1350	1960
12	SCI-B16	45	4P	380	100000-135000	400-1400	2255
		55	4P	380	115000-155000	420-1450	2370
13	SCI-B18	55	4P	380	150000-170000	420-1450	3261
		75	4P	380	160000-180000	450-1500	3682
14	SCI-B20	90	4P	380	180000-220000	450-1500	5280
		110	4P	380	200000-250000	450-1500	5500

KÍCH THƯỚC

*Bản vẽ có thể đã được cải tiến, Liên hệ System Fan để lấy bản vẽ và kích thước chính xác nhất

Model	A	A1	B	B1	D	D1	L1	L2
3,2	220	300	220	300	300	370	720	580
3,8	260	340	240	320	300	370	850	750
4	270	350	270	350	300	370	850	750
5	320	400	320	400	350	420	900	790
	320	400	320	400	350	420	900	790
6,3	440	540	440	540	450	520	1150	1040
	440	540	440	540	450	520	1150	1040
7	485	585	463	560	500	570	1200	1080
8	600	700	500	600	800	890	1400	1100
10	800	900	600	700	900	995	1700	1200
	800	900	600	700	900	995	1700	1200
11	800	900	600	700	1000	1100	1700	1200
12	900	1020	800	920	1050	1150	2000	1610
	900	1020	800	920	1050	1150	2000	1610
14	900	1020	900	1020	1410	1550	2350	1720
16	1300	1420	1100	1220	1410	1530	2400	1935
	1300	1420	1100	1220	1410	1530	2400	1935
18	1480	1620	1290	1430	1600	1790	2700	2130
	1480	1620	1290	1430	1600	1790	2700	2130
20	1784	1924	1520	1660	1660	1800	3150	2560
	1784	1924	1520	1660	1800	1940	3150	2560

BẢN VẼ KỸ THUẬT



CHIỀU QUAY HƯỚNG GIÓ

